

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch xây dựng vùng  
huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 44/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù và các quy định của pháp luật có liên quan;*

*Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 4071/SXD-QH ngày 06 tháng 7 năm 2020 về việc nhiệm vụ lập quy hoạch xây dựng vùng huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045 (kèm theo Tờ trình số 70/TTr-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2020 của UBND huyện Hà Trung).*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch xây dựng vùng huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045, với những nội dung chính sau:

## **1. Phạm vi, quy mô, ranh giới lập quy hoạch**

- Ranh giới lập quy hoạch xây dựng vùng huyện trên toàn bộ địa giới huyện Hà Trung (gồm 19 xã và 01 thị trấn), có giới hạn như sau:

- + Phía Bắc giáp thành phố Tam Điệp (tỉnh Ninh Bình) và thị xã Bỉm Sơn;
- + Phía Nam giáp huyện Hậu Lộc;
- + Phía Đông giáp huyện Nga Sơn;
- + Phía Tây giáp huyện Thạch Thành và huyện Hoằng Hóa.

- Diện tích lập quy hoạch vùng huyện Hà Trung khoảng 243,81 km<sup>2</sup>. Dân số khoảng 118.943 người.

- Phạm vi nghiên cứu quy hoạch mở rộng thêm toàn bộ diện tích thị xã Bỉm Sơn để đảm bảo tầm nhìn phát triển đô thị, liên kết hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật của vùng.

## **2. Quan điểm, mục tiêu quy hoạch**

### **2.1. Quan điểm**

- Việc lập quy hoạch xây dựng vùng huyện Hà Trung phải phù hợp với Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, Đề án xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045, các kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn mới.

- Phải phù hợp với khả năng huy động vốn, sử dụng hiệu quả nguồn lực của địa phương và các nguồn lực từ bên ngoài trên tất cả các lĩnh vực; Khai thác tối đa lợi thế phát triển gắn với tuyến đường cao tốc Bắc-Nam và hai nút giao liên thông với đường cao tốc; Đánh giá kỹ các cơ hội liên kết với thị xã Bỉm Sơn để trở thành trung tâm đầu mối giao thương quan trọng phía Bắc của tỉnh, tạo cơ hội phát triển công nghiệp, dịch vụ vận tải, du lịch văn hóa tâm linh.

- Đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế xã hội của huyện Hà Trung gắn liền với việc bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn huyện Hà Trung.

### **2.2. Mục tiêu lập quy hoạch**

- Cụ thể hóa các định hướng của Quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021-2030, đề án phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; loại bỏ các quy hoạch chồng chéo, thống nhất các quy hoạch trên địa bàn huyện làm công cụ để chỉ đạo toàn diện và thống nhất quản lý, là cơ sở để triển khai kế hoạch đầu tư công, thu hút đầu tư trên địa bàn huyện Hà Trung.

- Tổ chức không gian phát triển của huyện Hà Trung đảm bảo tính kết nối đồng bộ giữa vùng huyện Hà Trung với thị xã Bim Sơn thành vùng trung tâm kinh tế động lực phía Bắc của tỉnh, tăng cường sự kết nối hiệu quả với các huyện trong vùng nhằm khai thác tối đa tiềm năng lợi thế của huyện để phát triển nhanh, bền vững.

- Là cơ sở pháp lý để tổ chức lập quy hoạch đô thị, quy hoạch chung xã, quy hoạch các khu chức năng trên địa bàn huyện.

### **3. Tính chất, chức năng, vai trò của vùng**

Cùng với thị xã Bim Sơn là trung tâm vùng phía Bắc của tỉnh Thanh Hóa, với các chức năng chủ yếu: Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp, Thương mại - dịch vụ; Văn hóa - Thể dục thể thao, Du lịch văn hóa tâm linh. Là đầu mối giao thông quan trọng vùng động lực phía Bắc của tỉnh. Có vị trí quan trọng về an ninh quốc phòng.

### **4. Yêu cầu về dự báo sơ bộ quy mô vùng**

Cơ sở để dự báo quy mô phát triển vùng huyện dựa trên: Các điều kiện tự nhiên, tiềm năng đất đai và quỹ đất xây dựng; hiện trạng về phát triển kinh tế, những khu vực kinh tế chủ đạo của huyện và từng địa bàn; Tình hình đầu tư công nghiệp, dân cư và phát triển đô thị, phân bố công trình hạ tầng xã hội, tăng trưởng dân số, xây dựng và quản lý đô thị, nông thôn...

#### **4.1. Yêu cầu lựa chọn chỉ tiêu về hạ tầng xã hội & hạ tầng kỹ thuật:**

Các chỉ tiêu kỹ thuật tuân thủ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng hiện hành. Trong đó lưu ý:

\* Hệ thống hạ tầng xã hội bao gồm: Hệ thống dịch vụ - công cộng: y tế, giáo dục, văn hóa, thể dục thể thao, thương mại và các công trình dịch vụ - công cộng cần tính toán quy mô theo các công trình cấp vùng, có nghiên cứu phương án sáp nhập Bim Sơn với huyện Hà Trung để thành lập thành phố, đô thị loại 3 trong tương lai.

\* Hệ thống hạ tầng kỹ thuật bao gồm: Hệ thống giao thông; hệ thống chiếu sáng công cộng; hệ thống thông tin liên lạc (hạ tầng kỹ thuật viễn thông); hệ thống cấp nước; hệ thống thoát nước và xử lý nước thải (XLNT); hệ thống quản lý chất thải rắn (CTR); hệ thống vệ sinh công cộng; hệ thống nhà tang lễ, nghĩa trang và cơ sở hỏa tang đảm bảo tiêu chí của đô thị loại IV trở lên.

#### **4.2. Dự báo sơ bộ về quy mô dân số:**

- Dân số hiện trạng khu vực quy hoạch năm 2019 khoảng 118.943 người, mật độ dân số: 488 người/km<sup>2</sup>; Dân số đô thị khoảng: 9.875 người, tỷ

lệ đô thị hóa đạt khoảng 8,3% (theo dự thảo báo cáo chính trị Đảng bộ huyện & niên giám thống kê năm 2019).

- Dự báo đến năm 2025, dân số toàn huyện khoảng: 124.000 người, mật độ dân số khoảng 509 người/km<sup>2</sup>; Dân số đô thị khoảng 30.550 người. Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 24,6%.

- Dự báo đến năm 2030: Khoảng 128.500 người, mật độ dân số: 527 người/km<sup>2</sup>; Dân số đô thị khoảng 40.900 người. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 31,8%.

- Dự báo đến năm 2045: Khoảng 142.600 người, mật độ dân số: 585 người/km<sup>2</sup>; Dân số đô thị khoảng 53.000 người. Tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 37,2%.

#### 4.3. Dự báo sơ bộ về quy mô đất đai:

Dự báo đất xây dựng đô thị: Tiêu chuẩn 250-300 m<sup>2</sup>/người;

- Dự báo đất xây dựng đô thị đến năm 2025 khoảng: 770 ha-920 ha.

- Dự báo đất xây dựng đô thị đến năm 2030 khoảng 1.050 ha-1.230 ha;

- Dự báo đất xây dựng đô thị đến năm 2045 khoảng 1.330 ha-1.600 ha.

*(Các dự báo sẽ được nghiên cứu cụ thể trong quá trình lập quy hoạch).*

### 5. Nội dung yêu cầu nghiên cứu

Nội dung yêu cầu nghiên cứu đề án quy hoạch xây dựng vùng thực hiện theo quy định tại Điều 8, Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng, các yêu cầu cụ thể như sau:

#### 5.1. Yêu cầu về phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên, hiện trạng:

- Phân tích, đánh giá liên kết giữa huyện Hà Trung và các vùng lân cận trong và ngoài tỉnh, đặc biệt là với thị xã Bim Sơn, huyện Nga Sơn, để có các giải pháp kết nối hiệu quả, cùng phát triển. Đánh giá tác động ảnh hưởng và mối quan hệ tương hỗ đối với các khu vực trọng điểm trong tỉnh.

- Đánh giá về các điều kiện tự nhiên như: Khí hậu, thủy văn, địa hình địa mạo, địa chất công trình, địa chất thủy văn... để xác định các khu vực có quỹ đất xây dựng thuận lợi, các khu vực cần kiểm soát phát triển.

- Đánh giá hiện trạng phát triển kinh tế xã hội như: dân số, lao động, thu nhập bình quân, tốc độ tăng trưởng kinh tế, cơ cấu kinh tế, hiện trạng sử dụng đất đai, tình hình phát triển đô thị, nông thôn... , so sánh với các huyện trong vùng làm cơ sở để đưa ra các dự báo đảm bảo khả thi, chính xác.

- Đánh giá tình hình phát triển đô thị, các điểm dân cư nông thôn, tỷ lệ đô thị hóa, thực trạng quản lý đô thị; các cơ sở kinh tế chủ yếu phát triển vùng (công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng cơ bản, giao thông, dịch vụ, du lịch, thương mại, khoa học công nghệ, đào tạo...); hệ thống hạ tầng xã hội để làm cơ sở để xác định cơ cấu phát triển không gian.

- Đánh giá hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường, bao gồm: hiện trạng hệ thống giao thông từ đường xã trở lên, hiện trạng chuẩn bị kỹ thuật, thoát nước và xử lý nước thải, thu gom và xử lý CTR, công nghệ xử lý nước thải, CTR của các đô thị, các khu công nghiệp, hiện trạng nghĩa trang, hiện trạng về tiêu thụ điện, nguồn điện và lưới điện, hiện trạng môi trường tự nhiên (nước, không khí, đất, hệ sinh thái...) và môi trường xã hội.

- Rà soát và đánh giá các đề án, các cơ chế chính sách quản lý và phát triển theo quy hoạch của tỉnh, các quy hoạch xây dựng đã có, dự án đầu tư cấp Quốc gia, cấp tỉnh, các dự án cấp huyện đã và đang triển khai. Đánh giá tính hiệu quả, sự phù hợp với tổng thể chung trong thời kỳ mới.

## 5.2. Yêu cầu về định hướng phát triển không gian vùng:

- Định hướng cụ thể trên từng giai đoạn về kinh tế - xã hội để làm cơ sở định hướng các ngành, lĩnh vực, xác định các nét đặc trưng riêng của huyện, các trụ cột để tập trung phát triển theo hướng: nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại (đặc biệt là du lịch văn hóa lịch sử, tâm linh).

- Định hướng phát triển không gian vùng phải phù hợp với định hướng chung của tỉnh. Trong đó, xác định vùng huyện Hà Trung nằm trong vùng phía Bắc của tỉnh, định hướng phát triển công nghiệp, vật liệu xây dựng, công nghiệp hóa dược phẩm, du lịch văn hóa và nông nghiệp (nông nghiệp tập trung vào cây ăn quả, cây công nghiệp, cây lương thực, chăn nuôi gia súc, gia cầm). Không gian vùng sẽ phát triển dọc theo các tuyến giao thông quan trọng: Dọc trục Quốc lộ 217B kết nối thị xã Bỉm Sơn và đô thị Hà Long; Dọc trục Quốc lộ 217 kết nối thị trấn Hà Trung với đô thị Hà Lĩnh; Dọc trục Quốc lộ 1A kết nối thị xã Bỉm Sơn – đô thị Hà Dương – thị trấn Hà Trung. Rà soát đánh giá hiện trạng các cụm công nghiệp hiện nay, đề xuất mở rộng, di chuyển hoặc quy hoạch mới các cụm công nghiệp đảm bảo thuận lợi thu hút đầu tư. Phát triển khu công nghiệp tập trung ở Hà Long trên cơ sở mở rộng quy mô khu công nghiệp Bỉm Sơn hiện tại đến giáp đường cao tốc đang triển khai đầu tư. Xác định các loại hình ưu tiên thu hút đầu tư vào các cụm, khu công nghiệp theo hướng các cụm công nghiệp gắn với sản xuất tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, trong đó ưu tiên các ngành công nghiệp sạch, ít sử dụng tài nguyên, thân thiện với môi trường.

- Đối với phân vùng phát triển: Rà soát lại các vùng phát triển theo quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội, đề xuất các vùng phát triển phù hợp với tiềm năng và lợi thế của từng khu vực gắn với việc bố trí các khu chức năng, các khu vực sản xuất. Xác định các vùng phát triển (các khu vực phát triển đô thị); hạn chế phát triển (vùng trũng thấp dọc 2 bên sông Hoạt, sông Tống); các vùng bảo tồn, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên (Rừng sên Tam Quy, các khu vực cảnh quan sinh thái, di tích,...).

- Đối với tổ chức hệ thống đô thị và nông thôn: Mô hình phát triển, cấu trúc hệ thống đô thị và khu vực nông thôn phải phù hợp với đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội, điều kiện tự nhiên; phân cấp đô thị theo không gian lãnh thổ và quản lý hành chính.

+ Về hệ thống đô thị: Trên cơ sở định hướng Quy hoạch hệ thống đô thị toàn tỉnh trong quy hoạch tỉnh dự kiến phát triển 5 đô thị trên địa bàn toàn huyện gồm: thị trấn Hà Trung, đô thị Hà Long, Hà Lĩnh, Hà Dương, Gũ. Làm rõ tính chất chức năng của các đô thị, xác định quy mô các đô thị đảm bảo tiêu chí quy định tại Nghị quyết 1210/2016/NQ-UBTVQH gắn với sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính.

+ Về phát triển nông thôn: Phát triển hệ thống khu dân cư nông thôn phù hợp với yêu cầu phát triển nông thôn mới, hạn chế tối đa việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp nhằm đảm bảo an ninh lương thực và tiết kiệm đất đai.

- Đối với các khu vực phát triển du lịch: Nghiên cứu các loại hình du lịch phù hợp với văn hóa và phong tục tập quán của địa phương, khai thác và phát huy các nguồn tài nguyên tự nhiên và nhân văn như tuyến du lịch văn hóa tâm linh (Đền Sòng Sơn, đền Chín Giếng, đền Hàn Sơn, đền Cô Bơ,...), kết nối các di tích lịch sử thành tuyến du lịch kết hợp các loại hình du lịch trên sông Lèn, Sông Mã; du lịch nghỉ dưỡng kết hợp vui chơi giải trí chất lượng cao tại Hà Long.

- Đối với các khu vực phát triển nông, lâm nghiệp: Nghiên cứu xây dựng các vùng sản xuất, chăn nuôi theo hướng tập trung, quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao; Phát triển lâm nghiệp bền vững cả về kinh tế và môi trường, đa dạng hóa các sản phẩm lâm nghiệp, xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm thế mạnh.

### 5.3. Yêu cầu về định hướng hệ thống hạ tầng xã hội:

- Xác định quy mô và vị trí các công trình hạ tầng xã hội mang ý nghĩa cấp vùng huyện và một số công trình hạ tầng xã hội phục vụ vùng liên huyện như: các trung tâm giáo dục, đào tạo, văn hóa, nghệ thuật, y tế, TDTT...

- Phân bổ và xác định quy mô các hệ thống công trình hạ tầng xã hội của huyện gồm: Trung tâm giáo dục, đào tạo, văn hóa, y tế, thể dục thể thao có quy mô lớn, trung tâm thương mại, dịch vụ cấp vùng, khu vực bảo vệ các di tích lịch sử văn hóa là điểm mạnh của huyện.

#### 5.4. Yêu cầu về định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật vùng:

\* Xác định mạng lưới, vị trí, quy mô các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật mang tính chất vùng hoặc liên vùng gồm: Chuẩn bị kỹ thuật, giao thông, phát triển điện lực, cung cấp năng lượng, cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang...

- Về định hướng giao thông: Phân tích mô hình giao thông, xác định khung giao thông vùng, các công trình đầu mối giao thông quan trọng liên kết với các khu vực trọng điểm của tỉnh. Đối với giao thông nội huyện, lựa chọn khung giao thông để phát triển các khu vực mới và các đô thị dự kiến hình thành, tạo mối liên hệ hợp lý giữa đô thị với khu vực nông thôn, đặc biệt lưu ý khai thác lợi thế của 2 nút giao nhập luồng với đường cao tốc Bắc-Nam và hướng kết nối về phía đông trên cơ sở kéo dài đường 217 và 217B kết nối với đường ven biển và Lạch Sung. Đề xuất liên kết giao thông hướng Bắc Nam liên kết với thị xã Bim Sơn và vùng huyện Hậu Lộc (Qua sông Lèn).

- Về định hướng chuẩn bị kỹ thuật: Phân tích, đánh giá về địa hình, các biến động về địa chất, cảnh bảo các vùng cấm và hạn chế xây dựng, xác định các khu vực thuận lợi xây dựng, hạn chế tác động đến địa hình tự nhiên.

\* Xác định các lưu vực, hướng thoát nước chính và các công trình tiêu thoát nước đầu mối, hệ thống đê điều, trạm bơm tiêu thoát lũ, chống ngập. Đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai.

- Về định hướng quy hoạch cấp nước: Đánh giá về tài nguyên nước mặt và nước ngầm, nghiên cứu quy mô và công suất các công trình đầu mối cấp nước. Tính toán bổ sung nhu cầu cấp nước cho các khu vực dự kiến là đô thị; trung tâm huyện lỵ. Đề xuất các giải pháp bảo vệ nguồn nước và công trình đầu mối, đặc biệt là nguồn nước ngầm.

- Về định hướng quy hoạch cấp điện: Dự báo bổ sung nhu cầu phụ tải điện, bao gồm: Phụ tải điện sinh hoạt, điện công trình công cộng, điện sản xuất, điều chỉnh lưới truyền tải điện và phân phối điện theo nhu cầu phụ tải mới. Đề xuất khai thác sử dụng các nguồn năng lượng mới và tái tạo.

- Về định hướng quy hoạch thoát nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang: Dự báo, điều chỉnh bổ sung, công suất, quy mô của các trạm xử

lý nước, trạm bơm cho các khu vực dự kiến phát triển đô thị. Nghiên cứu điều chỉnh bổ sung quy mô, công suất một số công trình đầu mối xử lý chất thải rắn, và nghĩa trang cấp vùng huyện.

#### 5.5. Yêu cầu về đánh giá môi trường chiến lược và các yêu cầu khác:

- Đánh giá các tác động tích cực, tiêu cực đến môi trường do quy hoạch tạo ra. Đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề môi trường. Xác định các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động và quản lý, giám sát môi trường. Các nội dung yêu cầu nghiên cứu thực hiện theo Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

- Dự báo xu hướng các vấn đề môi trường do tác động của phân bố đô thị, dân cư, các hoạt động kinh tế, mạng lưới hạ tầng kỹ thuật trong vùng; nêu các vấn đề môi trường đã và chưa được giải quyết trong đồ án quy hoạch. Đánh giá sự thống nhất giữa các quan điểm, mục tiêu của quy hoạch xây dựng và các quan điểm, mục tiêu về bảo vệ môi trường; dự báo, so sánh tác động môi trường của các phương án quy hoạch.

- Tổng hợp, đề xuất, sắp xếp thứ tự ưu tiên các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu, cải thiện các vấn đề môi trường còn tồn tại trong đồ án quy hoạch; đề xuất các vùng bảo vệ môi trường (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, hành lang xanh, vùng di sản, lưu vực nguồn nước...).

## 6. Hồ sơ sản phẩm

### 6.1. Hồ sơ địa hình phục vụ lập quy hoạch

Sử dụng bản đồ địa hình tỉnh Thanh Hóa tỷ lệ 1/100.000 sẵn có để thực hiện bản đồ vị trí và mối quan hệ liên vùng;

Sử dụng bản đồ địa hình số tỷ lệ 1/25.000 và tỷ lệ 1/10.000 của Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam có hiệu chỉnh, bổ sung để thực hiện hồ sơ quy hoạch.

### 6.2. Hồ sơ quy hoạch

#### a) Thành phần và nội dung hồ sơ bản vẽ:

- Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng: Vị trí, ranh giới của vùng, mối quan hệ về tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường có ảnh hưởng tới vùng quy hoạch. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình theo tỷ lệ thích hợp.

- Các sơ đồ hiện trạng vùng: Điều kiện tự nhiên; hiện trạng phân bố dân cư và sử dụng đất; hiện trạng hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và môi trường cấp vùng. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000.



- Các sơ đồ về phân vùng và định hướng phát triển không gian vùng: Xác định các vùng phát triển, bảo tồn, hạn chế phát triển, vùng cấm phát triển; tổ chức hệ thống các đô thị, các khu vực dân cư nông thôn; phân bố, xác định quy mô các không gian phát triển công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp; các vùng nghỉ ngơi du lịch, khai thác, bảo vệ thiên nhiên, tôn tạo, các vùng di tích lịch sử văn hóa và các chức năng khác, phân bố cơ sở kinh tế - kỹ thuật cấp vùng. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000.

- Các sơ đồ định hướng hạ tầng kỹ thuật cấp vùng: Giao thông, cao độ nền, thoát nước mặt, cung cấp năng lượng, viễn thông, cấp nước, quản lý chất thải và nghĩa trang. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000.

- Các bản vẽ về đánh giá môi trường chiến lược. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình theo tỷ lệ thích hợp.

b) Phần văn bản gồm:

- Thuyết minh tổng hợp;
- Tờ trình xin phê duyệt quy hoạch;
- Dự thảo Quyết định, quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch;
- Các văn bản pháp lý có liên quan.

### 6.3. Yêu cầu về hồ sơ

- Bản đồ minh họa trong thuyết minh được thu nhỏ theo khổ giấy A3, in màu;

- Bản đồ dùng cho việc báo cáo thẩm định, phê duyệt, in màu theo tỉ lệ;
- Số lượng tài liệu dùng báo cáo thẩm định theo yêu cầu của hội nghị.

- Hồ sơ trình duyệt lập thành 8 bộ in màu theo tỷ lệ, kèm theo 04 bộ hồ sơ màu in khổ A0 (chủ đầu tư, các cơ quan thẩm định quản lý), 04 đĩa CD ghi toàn bộ nội dung bản vẽ và các văn bản liên quan.

**7. Kinh phí thực hiện:** Giao UBND huyện Hà Trung tổ chức thẩm định, phê duyệt dự toán lập quy hoạch theo quy định tại Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

**8. Nguồn vốn lập quy hoạch:** Nguồn vốn lập quy hoạch do UBND huyện Hà Trung chủ động bố trí đảm bảo quy định.

## **9. Tổ chức thực hiện**

- Cơ quan phê duyệt quy hoạch: UBND tỉnh Thanh Hóa.
- Cơ quan Chủ đầu tư và trình hồ sơ: UBND huyện Hà Trung.
- Cơ quan tổ chức thẩm định: Sở Xây dựng Thanh Hóa.
- Đơn vị lập quy hoạch: Lựa chọn đơn vị tư vấn theo quy định hiện hành.
- Thời gian thực hiện đồ án quy hoạch: Thời gian lập đồ án không quá 12 tháng kể từ ngày nhiệm vụ và dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Hà Trung; Viện trưởng Viện Quy hoạch - Kiến trúc Thanh Hóa và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 2 Quyết định;
  - Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
  - Lưu: VT, CN.
- H2.(2020)QDPD\_NV QHVV Ha Trung

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Mai Xuân Liêm**